

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 82/2019/HNGĐ-ST

Ngày 25/7/2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chất

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng
Ông Phạm Công Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà
Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm
công khai vụ án thụ lý số 179/2018/TLST-HNGĐ ngày 05/12/2018 về việc tranh
chấp ly hôn, nuôi con chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
82/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số
45/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2019 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1984; (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: 40, đường số 59, phường 14, quận V, thành phố Hồ Chí
Minh.

Địa chỉ: Xóm 4, thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Tô Mỹ H, sinh năm 1981; (vắng mặt)

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: 48 T, khu Q, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải
Dương.

Địa chỉ hiện nay đang lao động tại Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lời khai, chị Nguyễn Thị G trình
bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết
hôn vào ngày 21/12/2010 tại UBND thị trấn N, huyện N, Hải Dương. Sau khi kết

hôn anh chị sống với bố mẹ anh H tại 48 T, Khu Q, thị trấn N, huyện N, Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 5 năm thì tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, anh H lại đang bên nước ngoài, chị không còn tin tưởng vào tình cảm của anh H. Năm 2015 anh H tiếp tục đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, đến tháng 10/2015 thì chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở Xóm 4 thôn Đ, xã H, huyện N để sinh sống. Từ lúc này thì tình cảm vợ chồng rạn nứt, vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ thời điểm đó đến nay là 4 năm. Nay chị nhận thấy không thể chung sống với anh H, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Tô Tú Lâm N, sinh ngày 17/10/2011, hiện cháu đang sinh sống cùng với chị. Ly hôn đề nghị được nuôi con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung với chị là 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai cháu Tô Tú Lâm N có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì cháu muốn được tiếp tục sống cùng chị G.

Tại biên bản lấy lời khai ông Tô Văn S và bà Nguyễn Thị L (bố mẹ anh H) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung vợ chồng đúng như chị G trình bày. Tòa án đã yêu cầu ông bà cung cấp địa chỉ cụ thể của anh H tại Đài Loan nhưng ông bà không cung cấp được. anh H thường hay liên lạc về gia đình nên ông bà cam đoan những văn bản tố tụng Tòa án gửi cho anh H ông bà sẽ thông báo lại cho anh H được biết.

Tại Công văn số 6994/QLXNC-P5 ngày 21/12/2018 của Cục quản lý xuất nhập cảnh xác định anh H xuất cảnh lần cuối ngày 17/6//2015 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán cơ bản chấp hành đúng quy định của BLTTDS tuy nhiên việc thu thập tài liệu và thời hạn chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 476 BLTTDS; đề nghị HĐXX xét xử tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn tiếp tục cung cấp địa chỉ của bị đơn đến hết thời hạn chuẩn bị xét xử nên không phát biểu quan điểm về đường lối giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự và ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị G khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H đến TAND tỉnh Hải Dương, anh H hiện đang lao động tại nước ngoài nên TAND tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa vắng mặt chị G, anh H nhưng chị G đã có đơn đề nghị vắng mặt. Đối với anh H Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh H thông qua ông S, bà L (là bố mẹ đẻ anh H), ông bà cam đoan sẽ thông báo và giao lại cho anh H. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[1.3] Tại phiên tòa đại diện VKS đề nghị tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ của bị đơn cho đến khi hết thời hạn xét xử theo Điều 476 BLTTDS. Đây là trường hợp bị đơn giấu địa chỉ nên không thực hiện theo quy định tại điều 476 BLTTDS và không thuộc trường hợp tạm ngừng phiên tòa. Mặt khác Tòa án đã tiến hành làm việc với bố mẹ đẻ của anh H là ông S, bà L và đã 2 lần yêu cầu ông S, bà L cung cấp địa chỉ của anh H tại nước ngoài tuy nhiên ông bà không cung cấp được, do vậy Tòa án đã tổng đạt những văn bản tố tụng cho anh H thông qua ông S bà L, ông bà đã thông báo nội dung văn bản cho anh H là phù hợp với quy định tại Điều 177 BLTTDS. Nên đề nghị của đại diện VKS không có cơ sở chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh H được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 5 năm thì tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp. Anh chị đã có thời gian dài sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Như vậy có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn của anh chị đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Tô Tú Lâm N, sinh ngày 17/10/2011, hiện cháu đang sinh sống cùng với chị G. Chị G có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, cháu N cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Xét thấy yêu cầu của chị G là phù hợp với quy định tại điều khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận. Anh H hiện đang lao động tại Đài Loan, theo bố mẹ anh H và chị G thì mức thu nhập hàng tháng của anh là 10.000.000 đồng/tháng, chị G đề nghị anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/ tháng là phù hợp nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Chị G phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh H phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị G

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G được ly hôn với Tô Mỹ H.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Tô Tú Lâm N, sinh ngày 17/10/2011 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi.

Anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000 đồng/ tháng từ tháng 8/2019 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Anh H được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0004893 ngày 05/12/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (chị G đã thi hành xong).

Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Án xử sơ thẩm công khai. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- UBND thị trấn N, huyện N
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Chát